



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG
SAM CUONG MATERIAL ELECTRIC AND TELECOM CORPORATION

SAMETEL ★ SAMETEL ★ SAMETEL

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2011



SAMETEL Năng động, Sáng tạo, Chuyên nghiệp, Đẳng cấp



MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
1. Tầm nhìn và sứ mệnh.....	2
2. Chính sách chất lượng.....	3
3. Lịch sử hoạt động của Công ty	4
4. Phát biểu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	6
5. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	9
6. Phát biểu của Tổng Giám đốc	13
7. Báo cáo của Kiểm toán viên	21
8. Báo cáo của Ban kiểm soát	22
9. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012	27
10. Báo cáo tài chính năm 2011 đã kiểm toán	29



TÂM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

Tâm nhìn

- Là Công ty hàng đầu tại Việt Nam và trong khu vực về các giải pháp Điện và Viễn thông. Thích nghi trong mọi thời đại dựa trên nền tảng văn hóa doanh nghiệp bền vững, đội ngũ chuyên nghiệp và công nghệ phù hợp.

Sứ mệnh

- Phụng sự khách hàng bằng các giải pháp về Điện và Viễn thông; mang đến sự giàu có và niềm tin cho các Nhà đầu tư, thu nhập cao và hạnh phúc cho Người lao động.

Triết lý kinh doanh

- Khách hàng luôn là trung tâm; là hướng đích mọi giải pháp về quản trị và kinh doanh.
- Con người được đề cao và tôn trọng, tinh thần phục vụ và ý thức trách nhiệm được đưa lên hàng đầu.
- Sự công bằng và tinh thần ái kết nối mọi thành viên trong công ty.

Giá trị cốt lõi

- Năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp, đẳng cấp.

Văn hóa doanh nghiệp

- Nền tảng văn hóa Công ty: Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín.
- Mục tiêu văn hóa Công ty: Đoàn kết - Đổi mới - Hợp tác - Vững bền.



CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

Chính sách chất lượng của Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường được xây dựng và thực hiện trên cơ sở đảm bảo lợi ích và phù hợp với nhu cầu của từng khách hàng.

Thể hiện sự cam kết trước sau như một đối với khách hàng về chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình cung cấp hàng hóa đồng thời đảm bảo chính sách hậu mãi trên tinh thần phục vụ cao và có trách nhiệm.

Để đảm bảo cho chính sách chất lượng, Công ty áp dụng và thực hiện quản lý hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008.

Việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng là trách nhiệm của mọi thành viên trong Công ty.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đáp ứng mọi nguồn lực cần thiết để thực hiện và duy trì chính sách chất lượng.



LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 11 năm 2006 trên cơ sở cổ phần Xí nghiệp Vật liệu Viễn thông thuộc Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600850734 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20/10/2006, thay đổi lần thứ 3 ngày 14/12/2011.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện số 3600850734 đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 01/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài

SAM CUONG MATERIAL ELECTRIC AND TELECOM CORPORATION

Tên giao dịch viết tắt: **CÔNG TY CỔ PHẦN SAM CƯỜNG**

Tên viết tắt: **SAMETEL**

Vốn điều lệ: **29.317.240.000 VNĐ**

Trụ sở chính: **Đường số 1 – KCN Long Thành – Tỉnh Đồng Nai**

Điện thoại: **(84 61) 3 514 277 - 3 514 279** Fax: **(84 61) 3 514 276**

Văn phòng đại diện: **135/1/130 Nguyễn Hữu Cảnh – Phường 22 – Quận Bình Thạnh – TP.Hồ Chí Minh**

Điện thoại VP: **(84 8) 3551 3733 - 3551 3734** Fax: **(84 8) 3551 3735**

Website: www.sametel.com.vn E-mail: cbtt@sametel.com.vn

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, dịch vụ, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất, lắp ráp các thiết bị, vật liệu điện và viễn thông.
- Mua bán, xuất nhập khẩu, đại lý ký gửi: thiết bị, nguyên vật liệu điện và viễn thông, hàng kim khí điện máy.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.
- Trang trí nội thất.



4. Niêm yết

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo giấy chứng nhận niêm yết số 291/QĐ-SGDHN ngày 26/05/2010 của Sở GDCK Hà Nội

- Loại cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: **SMT**
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Ngày giao dịch đầu tiên: 30/07/2010

5. Định hướng phát triển

- Trở thành nhà cung cấp các giải pháp về Điện và Viễn thông hàng đầu của Việt Nam và khu vực.
- Xây dựng và phát triển mạng lưới chi nhánh theo từng khu vực.
- Đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm.

PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa: Quý vị

Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường được thành lập trên cơ sở cổ phần Xí nghiệp Vật liệu Viễn thông thuộc Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Viễn thông (Sacom) từ tháng 11/2006.

Trong những năm qua, được sự hỗ trợ của Quý khách hàng, Quý cổ đông, với sự định hướng sát sao của HĐQT, sự nhạy bén của Ban Giám đốc và sự nỗ lực công tác của người lao động trong Công ty nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty là khả quan. Đến nay Công ty đã tiếp tục khẳng định được vị trí của mình đối với thị trường ngành điện và viễn thông; thông qua các sản phẩm đạt chất lượng nhất là các sản phẩm được sản xuất từ vật liệu composite.

Với vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 đồng, sau 2 lần tăng vốn tại ngày 31/12/2012 vốn điều lệ của công ty là 29.317.240.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty đã niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SMT.

Kính thưa Quý vị

Năm 2011 nền kinh tế Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn, việc đầu tư của khách hàng truyền thống là VNPT giảm mạnh. Sự biến động của tỷ giá hối đoái, lãi suất cao, giá cả vật tư đầu vào tăng làm ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kết quả đạt được năm 2011 không được như mong muốn nhưng là sự nỗ lực rất lớn của toàn thể Người lao động, Ban điều hành và Hội đồng quản trị của Công ty. Bên cạnh đó công ty cũng nhận được sự hỗ trợ từ các cổ đông lớn và các đối tác hợp tác. Một số chỉ tiêu cơ bản đã thực hiện là:

Chỉ tiêu	Năm 2011			So với năm 2010	
	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện	% TH/KH năm	Thực hiện	Tỷ lệ %
Doanh thu thuần [tỷ đồng]	65,00	60,27	92,72	49,41	121,97
Lợi nhuận trước thuế [tỷ đồng]	5,70	0,82	14,38	4,61	17,78
Lợi nhuận sau thuế [tỷ đồng]	4,80	0,76	15,83	4,24	17,92
Chi phí khấu hao TSCĐ [tỷ đồng]	3,33	2,86	85,88	2,55	112,15
Tỷ lệ chi trả cổ tức [%]	12,00	0	0%	12,00	0

Kết quả kinh doanh năm 2011 dù không đạt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra do những khó khăn chung của nền kinh tế; tuy nhiên so với năm 2010 vẫn có sự tăng trưởng về doanh thu.



1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Thực hiện nhiệm vụ của mình, năm 2011 Hội đồng quản trị đã tổ chức 4 cuộc họp chính thức để nghe báo cáo tình hình, trao đổi thống nhất và chỉ đạo các nội dung quan trọng. Ngoài ra, hàng tháng Thường trực Hội đồng quản trị đều có ít nhất một lần làm việc để kịp thời hỗ trợ và chỉ đạo Ban điều hành hoàn thành trách nhiệm của mình. Các nội dung chính đã thực hiện tại các cuộc họp HĐQT như sau:

- Xây dựng kế hoạch năm 2011 trình Đại hội đồng cổ đông.
- Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011.
- Theo dõi và đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hàng quý.
- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và người lao động trong công ty (nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2010) và phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức đợt 2 năm 2010 với tỷ lệ 6%.
- Phê duyệt mô hình tổ chức của Công ty, bổ sung nhân sự ban điều hành.
- Phân công lại nhiệm vụ của các thành viên HĐQT.
- Đánh giá kết quả SXKD, đầu tư năm 2011 và xem xét kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2012 trình Đại hội đồng cổ đông.

2. Về quản trị Công ty

- HĐQT đã thống nhất định hướng quản trị Công ty theo mô hình tiên tiến phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty và tập trung xây dựng một nền tảng quản trị sản xuất kinh doanh phát triển bền vững, lấy chất lượng và hiệu quả công việc làm thước đo và đánh giá năng lực.
- Chỉ đạo việc thực hành tiết kiệm trong toàn Công ty, trong năm không phát hiện hoặc tiếp nhận đơn thư tố cáo, khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến công tác quản lý điều hành trong Công ty.
- Quản lý công ty theo đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Thực hiện minh bạch trong quản lý

- Tất cả các thông tin liên quan theo quy định đều được gửi tới cổ đông và được công bố trên phương tiện thông tin đại chúng thông qua website của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở GDCK Hà Nội cũng như website của Công ty.
- Việc điều hành, quản lý kinh doanh, đầu tư của Ban điều hành đều được HĐQT và Ban kiểm soát giám sát chặt chẽ.
- Báo cáo tài chính thường niên được kiểm toán bởi công ty kiểm toán đủ điều kiện kiểm toán BCTC các Công ty niêm yết do UBCK Nhà nước công bố.

4. Định hướng công tác quản trị năm 2012

- Tình hình kinh tế nói chung đang diễn biến hết sức phức tạp không chỉ trong nước mà cả quốc tế. Chính phủ Việt Nam xác định mục tiêu trong năm 2012 là: chống lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô, Chính phủ đưa ra 3 chủ trương lớn:



- + Tái cấu trúc đầu tư, trong đó tập trung đầu tư công.
 - + Tái cấu trúc DNNN, trong đó tập trung vào các tập đoàn kinh tế và tổng công ty Nhà nước.
 - + Tái cấu trúc hệ thống tài chính - tiền tệ, trong đó tập trung hệ thống NHTM.
- Những chủ trương trên sẽ làm ảnh hưởng rất lớn đến không chỉ các doanh nghiệp như SMT mà còn làm ảnh hưởng đến các khách hàng của SMT nhất là các tập đoàn kinh tế nhà nước như VNPT, EVN,...
- Nhu cầu của thị trường về các sản phẩm do Công ty sản xuất vẫn còn nhiều tiềm năng:
 - + Việc nâng cấp, sửa chữa thường xuyên mạng viễn thông vẫn diễn ra hàng năm.
 - + Phát triển mới hệ thống mạng lưới điện lực và nhu cầu thay thế luôn có nhu cầu cao và ổn định.
 - Công ty sẽ tập trung đầu tư phát triển các sản phẩm composite và các sản phẩm phục vụ cho ngành viễn thông, điện lực và công nghiệp.

Tôi tin tưởng rằng hoạt động của Công ty sẽ có những bước phát triển mới và kế hoạch năm 2012 sẽ được hoàn thành .

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn Quý Cổ đông đã tin tưởng đầu tư, chia sẻ những khó khăn của công ty trong năm 2011 và sẽ tiếp tục đầu tư vào SMT trong thời gian tới.

Tôi xin chân thành cảm ơn những cố gắng nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty, cảm ơn những cổ đông và các đối tác đã hỗ trợ Công ty trong năm vừa qua và mong tiếp tục nhận được sự quan tâm hỗ trợ này trong năm 2012.

Xin chân thành cảm ơn các cơ quan hữu quan đã tạo điều kiện để Công ty chúng tôi cũng như các doanh nghiệp khác kinh doanh thuận lợi.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành sẽ vượt qua mọi khó khăn thách thức quyết tâm hoàn thành kế hoạch năm 2012.

Xin kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Tuấn



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BKS

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT
Bà Hồ Thị Thu Hương	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thiện Cảnh	TV HĐQT
Ông Nguyễn Văn Kiều	TV HĐQT
Ông Bùi Vũ Văn Hòa	TV HĐQT

Chủ tịch HĐQT – Ông Phạm Ngọc Tuấn

Ông Phạm Ngọc Tuấn sinh ngày 13/11/1952, dân tộc Kinh; Ông được bầu bổ sung vào HĐQT nhiệm kỳ 2009-2014 tại cuộc họp HĐQT ngày 30/07/2009.

Ngày 20/05/2010 Ông được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty.

Hiện nay Ông là Viện trưởng Viện Phát triển Quản trị và Công nghệ mới (IMT).

Phó Chủ tịch HĐQT – Bà Hồ Thị Thu Hương

Bà Hồ Thị Thu Hương sinh ngày 01/11/1956, dân tộc Kinh; Bà được bầu lại vào HĐQT nhiệm kỳ 2009-2014 tại ĐHĐCĐ năm 2009 ngày 24/04/2009.

Ngày 20/05/2010 và được bầu làm Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty.

Hiện nay bà là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM.

Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc – Ông Nguyễn Thiện Cảnh

Ông Nguyễn Thiện Cảnh sinh ngày 25/01/1964, dân tộc Kinh; Ông được bầu lại vào HĐQT nhiệm kỳ 2009-2014 tại ĐHĐCĐ năm 2009 ngày 24/04/2009.

Hiện nay ông là thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty.

Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Văn Kiều

Ông Nguyễn Văn Kiều sinh ngày 10/12/1970, dân tộc Kinh; Ông được bầu vào HĐQT nhiệm kỳ 2009-2014 tại ĐHĐCĐ năm 2009 ngày 24/04/2009.

Hiện nay Ông là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM.

Thành viên HĐQT – Ông Bùi Vũ Văn Hòa

Ông Bùi Vũ Văn Hòa sinh ngày 01/11/1959, dân tộc Kinh; Ông được bầu bổ sung vào HĐQT nhiệm kỳ 2009-2014 tại cuộc họp HĐQT ngày 30/07/2009.

Hiện nay Ông là thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty.



BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Văn Trường	Trưởng Ban
Bà Phạm Thị Thanh Thủy	TV BKS
Ông Nguyễn Xuân Thắng	TV BKS

Trưởng ban kiểm soát – Ông Nguyễn Văn Trường

Ông Nguyễn Văn Trường sinh ngày 22/05/1970, dân tộc Kinh; Ông được bầu lại vào HĐQT nhiệm kỳ 2009-2014 tại ĐHĐCĐ năm 2009 ngày 24/04/2009.

Hiện nay Ông là Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM

Thành viên ban kiểm soát – Bà Phạm Thị Thanh Thủy

Bà Phạm Thị Thanh Thủy sinh ngày 05/07/1968, dân tộc Kinh Bà được bầu lại vào HĐQT nhiệm kỳ 2009-2014 tại ĐHĐCĐ năm 2009 ngày 24/04/2009.

Hiện nay Bà là Trưởng ban kiểm soát nội bộ Công ty Đầu tư và Phát triển SACOM.

Thành viên ban kiểm soát – Ông Nguyễn Xuân Thắng

Ông Nguyễn Xuân Thắng sinh ngày 22/12/1958, dân tộc Kinh; Ông được bầu vào HĐQT nhiệm kỳ 2009-2014 tại ĐHĐCĐ năm 2009 ngày 24/04/2009

Hiện nay Ông là thành viên BKS kiêm Giám đốc Trung tâm kinh doanh của Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BKS; THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC VÀ CHI PHÍ CHO HĐQT, BKS

- Năm 2011 HĐQT, BKS họp 04 lần. Các nội dung đã thực hiện trong các kỳ họp là:
 - Xây dựng kế hoạch năm 2011 trình Đại hội đồng cổ đông.
 - Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011.
 - Theo dõi và đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hàng quý.
 - Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức đợt 2 năm 2010 với tỷ lệ 6%.
 - Phê duyệt mô hình tổ chức của Công ty, bổ sung nhân sự ban điều hành.
 - Phân công lại nhiệm vụ của các thành viên HĐQT.
 - Đánh giá kết quả SXKD, đầu tư năm 2011 và xem xét kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2012 trình Đại hội đồng cổ đông.
- Thù lao HĐQT, BKS: 46 đồng/1.000 đồng lợi nhuận trước lương.
- Chi phí đi lại, ăn ở của các thành viên HĐQT, BKS do Công ty thanh toán.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong năm:



- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của HĐQT, BKS/vốn góp tại thời điểm chốt danh sách ngày 15/02/2012 là: 38,19%.
- Thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của HĐQT, BKS:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP Đầu tư và Phát triển SACOM	Hồ Thị Thu Hương – Phó Chủ tịch HĐQT	750.000	30,00	954.000	32,54
2	Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT			31.058	1,06
3	Hồ Thị Thu Hương	Phó chủ tịch HĐQT	10.000	0,40	19.080	0,65
4	Nguyễn Thiện Cảnh	TV HĐQT, Tổng Giám đốc	10.000	0,40	61.049	2,08
5	Bùi Vũ Vân Hòa	TV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	25.000	1,00	38.849	1,33
6	Nguyễn Văn Trường	Trưởng Ban kiểm soát	2.000	0,08	2.544	0,09
7	Phạm Cử	Phó Tổng Giám đốc			1.484	0,05
8	Trần Văn Dương	Kế toán trưởng	5.000	0,20	11.575	0,39

- 3/5 thành viên HĐQT độc lập không tham gia điều hành.
- 2/3 thành viên BKS độc lập không tham gia điều hành.

VỀ CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN

Theo danh sách chốt ngày 15/02/2012, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

- Tổng số cổ phần: 2.931.724 CP mệnh giá 10.000 đồng/CP
 - + Cổ phiếu phổ thông: 2.931.724 CP
 - + Cổ phiếu ưu đãi: 0 CP
- Vốn đầu tư của nhà nước: 0 CP
- Vốn đầu tư của cổ đông: 2.931.724 CP

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %
I	Cổ đông nước ngoài	3	1.060	0,04
II	Cổ đông trong nước	563	2.930.364	99,96
1	Cổ đông là pháp nhân	1	954.000	32,54
2	Cổ đông là thể nhân	562	1.976.664	67,42
	Tổng cộng	566	2.931.724	100,00



- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

<i>TT</i>	<i>Tên cổ đông</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>	<i>Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần</i>		<i>Biến động về tỷ lệ sở hữu CP</i>
			<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ</i>	
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM	Sản xuất, mua bán các loại cáp vật liệu viễn thông và các loại cáp, vật liệu dân dụng, bobin gỗ (trục gỗ dùng quấn dây cáp). Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại. Cho thuê văn phòng. Đầu tư phát triển và kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Kinh doanh bất động sản, kinh doanh sân golf, dịch vụ lưu trú và dịch vụ du lịch.	954.000	32,54%	2,54%



PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Kính thưa : Quý vị

Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường (SAMETEL) được xây dựng tại địa chỉ: Lô A.I-3 Đường số 1, KCN Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với diện tích 12.706,9m².

Văn phòng đại diện: 135/1/130 Nguyễn Hữu Cảnh – Phường 22 – Quận Bình Thạnh – TP.Hồ Chí Minh.

Máy móc thiết bị:

- Thiết bị cơ khí: máy chấn, máy dập, máy cắt, máy tiện các loại.
- Thiết bị ép: máy ép composite các loại.
- Thiết bị quang: Thiết bị làm ống lồng chứa sợi quang, máy bọc dây thuê bao quang, cáp quang.
- Trạm biến áp phục vụ quản lý và sản xuất: 1500KVA.
- Hệ thống thiết bị phụ trợ: máy nén khí, máy đo quang OTDR.
- Và các phương tiện vận chuyển đủ đáp ứng nhu cầu của Công ty.

Sản phẩm chính:

- Các sản phẩm phục vụ ngành viễn thông:
 - + Tủ, hộp cáp ABS, Composite các loại.
 - + Cáp và phụ kiện quang: Cáp quang, dây thuê bao quang, Tủ phối quang indoor và outdoor, hộp ODF, dây nhảy, dây nối, măng sông quang.
 - + Các sản phẩm khác: Modem ADSL, modem quang, hộp đấu dây, măng sông cáp đồng.
- Các sản phẩm ngành điện lực: Tủ cáp điện lực composite, sắt sơn tĩnh điện phục vụ ngành điện lực, viễn thông: tủ phân phối hạ thế, tủ điện AC,... đủ các loại, kích cỡ theo nhu cầu của khách hàng.
- Và các sản phẩm dân dụng khác từ nguyên liệu composite.

MỘT SỐ SẢN PHẨM CHÍNH



➤ Tủ phối quang ngoài trời bằng vật liệu Composite hoặc sắt sơn tĩnh điện. Dung lượng tối đa 480FO.

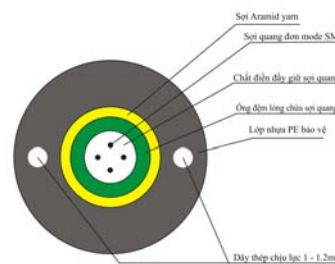
➤ ODF tập trung dung lượng tối đa 960FO.

➤ Tủ điện lực: Tủ phân phối hạ thế, tủ điện AC,... bằng vật liệu Composite hoặc sơn tĩnh điện.

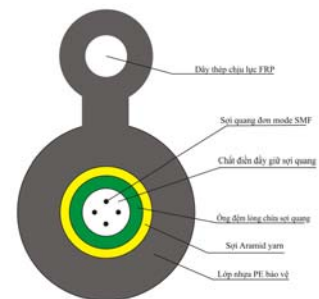
CÁP THUÊ BAO QUANG



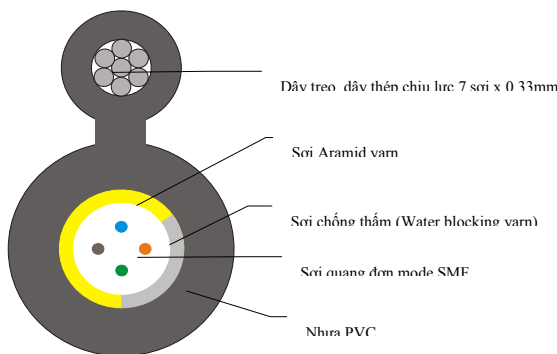
Cáp thuê bao quang ngầm, treo dung lượng 2-4FO có aramid yarn



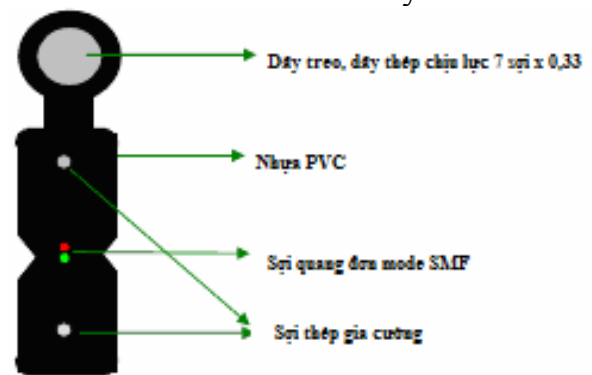
Cáp truy nhập ngầm (DAC) dung lượng 4FO có aramid yarn



Cáp truy nhập FTTH dung lượng 2-4FO có aramid yarn



Cáp quang treo bọc trực tiếp



Cáp quang treo hình số 8 bọc trực tiếp

DÂY NỐI QUANG – DÂY NHẢY QUANG



CÁC LOẠI ADAPTOR



TỦ - HỘP PHỐI QUANG



Hộp ODF các loại



Hộp phối quang tại thuê bao



Tủ phối quang ngoài trời



Mảng sóng quang



Converter quang điện



Optical Splitter

PHỤ KIỆN CẤP ĐỒNG



Hộp cáp ABS dung lượng
từ 10P-100P



Tủ cáp CPS dung lượng từ 100P-2400P

TỦ ĐIỆN LỰC



Tủ đảo nguồn



Tủ đóng cắt động cơ



Tủ điện 3 pha lắp đặt điện kế và CB



Với vốn điều lệ: 29.317.240.000 đồng tương đương với 2.931.724 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần; vốn của Công ty đã đầu tư chủ yếu cho tài sản dài hạn vì vậy rất khó khăn trong hoạt động do thiếu vốn lưu động. Tuy nhiên, Ban điều hành và người lao động trong Công ty đã đoàn kết thống nhất thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh HĐQT giao.

- Doanh thu thuần năm tài chính 2011:	60.273.249.199 đồng
- Lợi nhuận trước thuế :	824.518.592 đồng
- Lợi nhuận trước thuế :	762.439.866 đồng
- Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2011:	45.148.347.694 đồng

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Thiện Cảnh

Ông Nguyễn Thiện Cảnh sinh ngày 25/01/1964, dân tộc Kinh, trình độ Cử nhân kinh tế, hiện nay ông là Tổng giám đốc Công ty.

Phó Tổng giám đốc – Ông Bùi Vũ Vân Hòa

Ông Bùi Vũ Vân Hòa sinh ngày 01/11/1959, dân tộc Kinh, trình độ Kỹ sư điện tử viễn thông, hiện nay ông là Phó Tổng giám đốc phụ trách kỹ thuật.

Phó Tổng giám đốc – Ông Phạm Cử

Ông Phạm Cử sinh ngày 20/01/1962, dân tộc Kinh, trình độ Cử nhân Vật lý, kể từ 01/09/2011 ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh.

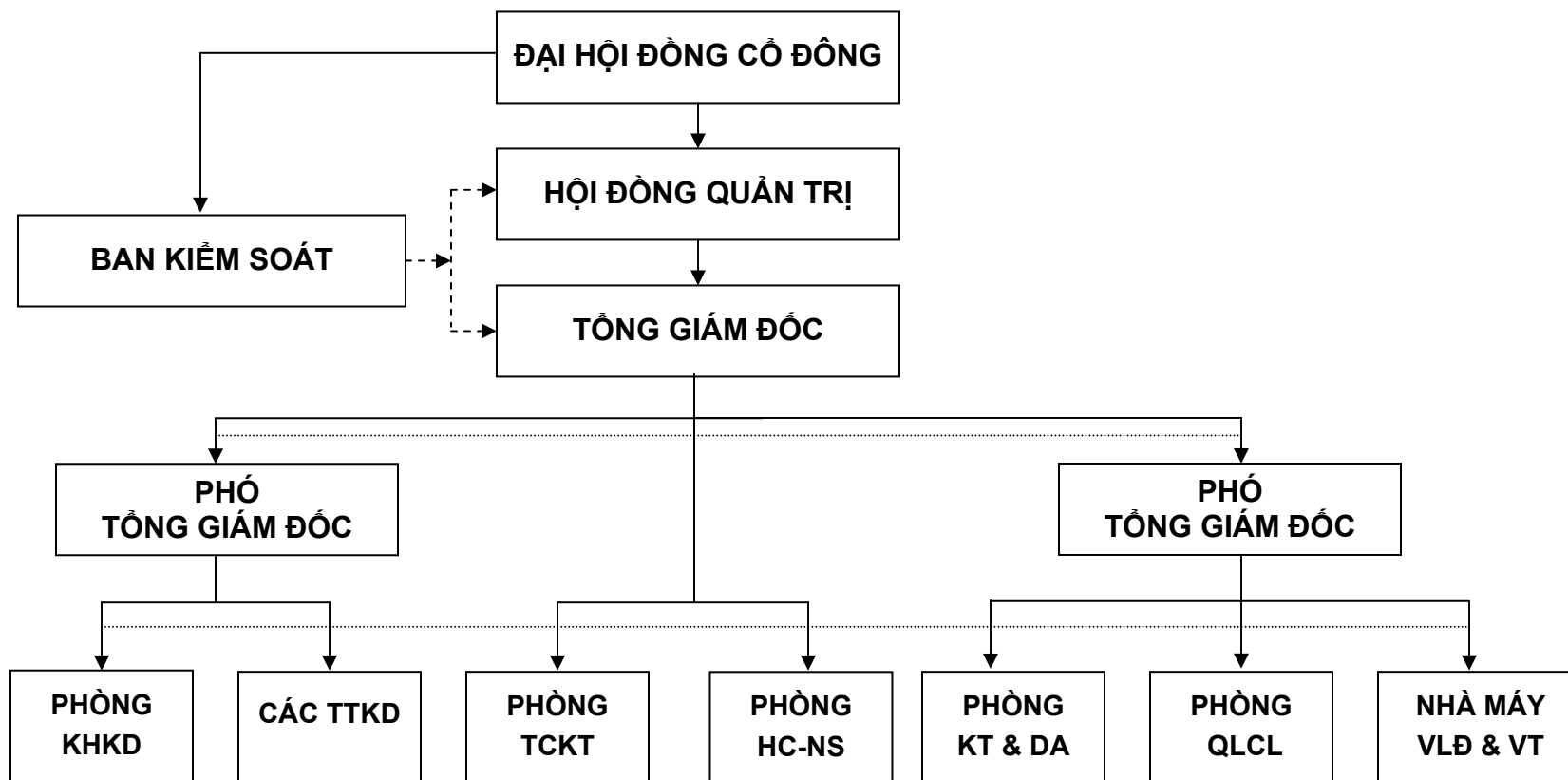
Kế toán trưởng - Ông Trần Văn Dương

Ông Trần Văn Dương sinh ngày 01/04/1974, dân tộc Kinh, trình độ Cử nhân Tài chính Kế toán, hiện nay ông là Kế toán trưởng Công ty.

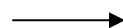
Quyền lợi của Ban giám đốc: tiền lương, thưởng và các quyền lợi khác: Ban giám đốc và kế toán trưởng được thanh toán mức lương thưởng xứng đáng trên cơ sở kết quả điều hành và kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm.

Mô hình tổ chức quản lý và sản xuất:

MÔ HÌNH TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ SẢN XUẤT



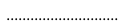
Quan hệ lãnh đạo



Quan hệ giám sát



Quan hệ phối hợp chức năng





Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Tại ngày 31/12/2011, Công ty có 88 người. Người lao động được Công ty chăm lo về đời sống vật chất và tinh thần; được tham gia các tổ chức như: Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên,...

- Ngoài tiền lương, thưởng theo quy định của Công ty; người lao động được Công ty đóng BHXH, BHYT theo quy định của Nhà nước; hàng năm được tổ chức khám sức khỏe; tham quan nghỉ dưỡng,...

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TÀI CHÍNH 2011

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- o Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- o Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- o Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- o Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu trữ phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2010
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		33,69	42,64
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		66,31	57,36
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn		27,88	32,12
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		72,12	67,88
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		1,56	1,21
	- Khả năng thanh toán hiện hành		2,38	1,79
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản		0,06	10,50
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần		0,12	9,35
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		0,08	15,47

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.



Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN (*Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)*)

Số : 58/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính năm 2011
của Công ty Cổ Phần Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường được lập ngày 23/02/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Cao Thị Hồng Nga
Chứng chỉ KTV số: 0613/KTV

Nguyễn Minh Tiến
Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2012



Ý KIẾN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO THẨM TRA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SX KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SAM CƯỜNG (SMT) Năm 2011

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vật liệu điện và viễn thông Sam Cường (Sametel) đã thực hiện kiểm tra thường kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty cổ phần Vật liệu điện và viễn thông Sam Cường năm 2011. Việc kiểm tra được thực hiện thuận lợi, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty. Kết quả kiểm tra như sau:

I- Công tác điều hành sản xuất kinh doanh

Trong năm 2011 Hội đồng quản trị đã tiến hành 04 cuộc họp thường kỳ để đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của mỗi quý cũng như thống nhất các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, . Chương trình nghị sự của các cuộc họp Hội đồng quản trị thường tập trung vào các vấn đề sau::

- Thông qua kết quả SXKD năm 2010, kế hoạch SXKD năm 2011; kế hoạch phát hành cổ phiếu ra công chúng; trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011.
- Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2011.
- Xem xét và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của mỗi quý, và kế hoạch của quý kế tiếp.
- Thống nhất ngừng không đầu tư dự án đầu tư dự án thiết bị làm dây nổi, dây nhảy quang.
- Phê duyệt phương án vay vốn hạn mức tín dụng tại VCB Bến Thành số tiền 8 tỷ đồng.
- Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức đợt 2 năm 2010 với tỷ lệ 6% (165.937 CP)
- Niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và người lao động của Công ty; số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung: 265.787 cổ phiếu
- Phê duyệt mô hình tổ chức của Công ty, bổ sung nhân sự ban điều hành.
- Phân công lại nhiệm vụ của các thành viên HĐQT.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2011; Thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty.
- Thông qua phương án thành lập Trung tâm kinh doanh sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin.
- Đánh giá kết quả SXKD, đầu tư năm 2011 và xem xét kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2012 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 xem xét, phê duyệt.

II. Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2011

1. Kết quả kinh doanh

ĐVT : Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện năm 2011	% thực hiện/ kế hoạch	% năm nay/ năm trước



1	Doanh thu thuần	65,00	60,27	92,72	121,97
2	Lợi nhuận trước thuế	5,70	0,82	14,38	17,78
3	Lợi nhuận sau thuế	4,80	0,76	15,83	17,92
4	Chi phí khấu hao TSCĐ	3,33	2,86	85,88	112,15
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức [%]	12% đến 14%	0	0%	0

* Cổ tức: + Trong năm Công ty đã chi trả cổ tức bằng cổ phiếu đợt 2 năm 2010 (6%), nhưng chưa hoàn tất thủ tục niêm yết bổ sung.

+ Hội đồng quản trị dự kiến sẽ trình Đại hội đồng cổ đông không chia cổ tức năm 2011 do lãi ít.

Nhìn chung đây là năm nền kinh tế vẫn chưa hết khó khăn, đầu tư của các nhà mạng, đặc biệt VNPT giảm mạnh đầu tư; lãi suất ngân hàng tăng cao, đặc biệt Công ty phải trích lập dự phòng tài chính cho khoản đầu tư vào PX cáp quang Thăng Long hơn 1,8 tỷ đồng, đã làm giảm tương ứng lợi nhuận năm 2011.

2- Tình hình tài chính, kế toán

2.1 Thu nợ khách hàng:

Đến ngày 31/12/2011, số tiền phải thu của khách hàng là: 14,41 tỷ đồng, tăng 4,3 tỷ đồng so với năm 2010, tương ứng 42,7%; trong đó: Nợ quá hạn: 2,68 tỷ đồng chiếm 25,6% tổng số phải thu.

2.2 Hàng tồn kho:

Hàng tồn kho đến 31/12/2011 là: 10,7 tỷ, so với đầu năm tăng 2,1 tỷ đồng, tương ứng 25%, trong đó chủ yếu là nguyên vật liệu và thành phẩm.

Do số nợ phải thu lớn, tồn kho nhiều, đã ảnh hưởng tới dòng tiền của Công ty, buộc Công ty phải đi vay bổ sung vốn lưu động.

Dù trong năm công ty đã nỗ lực thu nợ 61,9 tỷ đồng/nợ phát sinh 66,5 tỷ đồng là rất tốt; tuy nhiên để giảm chi phí lãi vay, đề Nghị Lãnh đạo Công ty tập trung tìm mọi biện pháp để giảm tồn kho, và nợ phải thu, đặc biệt là hàng tồn kho.

2.3. Tiền lương:

+ Số lao động đến 31/12/2011 hiện có là: 88 người.

+ Đơn giá khoán tiền lương năm 2011 là 539 đồng/1000 đồng lợi nhuận trước lương. Quỹ tiền lương tối thiểu 6 tỷ đồng.

+ Đơn giá thù lao HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2011 là 46 đồng/1000 đồng lợi nhuận trước lương. Quỹ thù lao tối thiểu 580 triệu đồng.

Kết quả kiểm soát quỹ tiền lương năm 2011 như sau:

Tổng tiền lương, thù lao HĐQT khoán năm 2011 theo đơn giá trích theo lợi nhuận trước lương thực hiện theo báo cáo kiểm toán là :

Thù lao HĐQT & BKS: 580 triệu đồng



Quý lương năm 2011:

6.000 triệu đồng

- Trong năm công ty đã thực hiện việc đăng ký thỏa ước lao động tập thể tại Ban Quản lý Khu CN ngày 12/05/2011. Việc trả lương và các khoản phụ cấp theo đúng hợp đồng lao động.

3- Tình hình đầu tư

TT	Tên dự án	ĐVT	Tổng mức đầu tư	Giá trị thực hiện năm 2011	Giá trị sẽ thực hiện tiếp	Ghi chú
I Dự án chuyển tiếp từ năm 2010						
1	Máy làm dây nối, dây nhảy quang	USD	180.000			Ngừng đầu tư
II Dự án mới năm 2011						
1	Xe tải nhẹ 2 tấn	USD	20.000		20.000	Chuyển tiếp sang năm 2012
2	Khuôn mẫu cho sản phẩm CPS	Tr. đồng	1.000		1.000	Chuyển tiếp sang năm 2012
III Dự án mới phát sinh năm 2011						
	Máy cắt AMADA 2.5m	Tr. Đồng	208	208		
	Máy in phun Hitachi model PXR P460W	Tr. đồng	213	213		
	Tổng cộng	Tr. đồng	1.421	421	1.000	
		USD	200.000	0	20.000	

* Đầu tư XDCCB: - Hội đồng quản trị thống nhất không đầu tư dự án thiết bị làm dây nối, dây nhảy quang do xét thấy không hiệu quả.

- Dự án xe tải, khuôn mẫu CPS tạm thời Ban Tổng giám đốc chủ trương giãn kế hoạch thực hiện nhằm đạt hiệu quả tối ưu.

IV/ Nhận xét, kiến nghị

Trong năm 2011 nền kinh tế Việt Nam đặc biệt khó khăn, hàng loạt các Công ty tuyên bố phá sản, tỷ giá, lãi suất cao, lạm phát tăng cao, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy kết quả đạt được năm 2011 không đạt kế hoạch nhưng đã thể hiện sự nỗ lực rất lớn của Người lao động, Ban điều hành và Hội đồng quản trị của Công ty.

Trong năm 2011 Ban kiểm soát Công ty không nhận được đơn thư khiếu nại của người lao động trong Công ty về chế độ chính sách, tiền nhân công tiền lương... cũng như đơn thư khiếu nại của khách hàng về chất lượng sản phẩm do Công ty cung cấp.

Tình hình tài chính của Công ty năm 2011 tốt và ổn định. Sổ sách, chứng từ, báo cáo tài chính rõ ràng sạch sẽ, lưu trữ khoa học. Công tác kiểm kê tài sản, vật tư, tiền vốn, công nợ thực hiện đúng theo quy định.



Bên cạnh những kết quả đã đạt được của tập thể người lao động trong Công ty. Ban kiểm soát Công ty có một số ý kiến như sau:

1. Tập trung rà soát những vật tư, thành phẩm tồn khó bán, tồn nhiều để có hướng đẩy mạnh bán giảm tồn kho.
2. Công ty cần có nhiều biện pháp để tập trung thu hồi nợ và giảm lượng hàng tồn kho, nhất là lượng tồn kho lâu ngày đã lỗi thời (đã trích dự phòng 427.916.714 đ)
3. Quản lý công nợ:
 - Phải thu của khách hàng: Đề nghị Công ty xem xét lại chính sách bán hàng gắn kết với hiệu quả lô hàng và bảo toàn vốn cho đến khi khách hàng thanh toán hết nợ, giảm thiểu tình trạng bị chiếm dụng vốn : khi bán phải xuất hóa đơn, nộp thuế VAT ngay nhưng khách hàng trả chậm, có tình trạng quá hạn hơn 1 năm, nếu thu lãi phạt đơn vị sẽ thiệt do phải chịu thuế TNDN 25%.
 - Phải thu tạm ứng: cần có qui định thời gian tạm ứng cụ thể, tránh trường hợp ứng để dồn số tiền lớn và thời gian lâu chưa thanh quyết toán kịp thời.
4. Trong công tác phát triển sản phẩm mới, thị trường mới ngoài Viễn thông, đơn vị đã nỗ lực tìm kiếm nguồn sản phẩm và khách hàng, tuy nhiên nguồn vốn còn hạn hẹp nên thiết nghĩ đến việc liên doanh liên kết để tận dụng nguồn vốn và tăng cường thị trường đa dạng sản phẩm.

TM/Ban kiểm soát
Công ty cổ phần Sam Cường
Trưởng ban

Nguyễn Văn Trường

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2011 và đánh giá nhu cầu, thị trường, thị phần; năm 2012 Công ty phân đầu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh như sau:

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Giá trị</u>	<u>So với năm 2011</u>
- Vốn điều lệ:	29,317 tỷ đồng	100,00%
- Doanh thu thuần:	80,00 tỷ đồng	132,73%
- Lợi nhuận trước thuế:	6,00 tỷ đồng	731,70%
- Lợi nhuận sau thuế:	5,10 tỷ đồng	671,05%
- Tỷ lệ chi trả cổ tức:	12%	

Một số giải pháp để thực hiện kế hoạch năm 2012

Để đạt các mục tiêu của năm 2012 như trên HĐQT và Ban điều hành sẽ triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

1. Xây dựng và hoàn thiện định hướng chiến lược, các chính sách, quy chế, quy định.

- Xây dựng chiến lược Công ty đến năm 2015.
- Xây dựng và hoàn thiện Quy chế tài chính và Quy chế lương.
- Phối hợp với tổ chức Công đoàn làm tốt công tác tư tưởng cho Người lao động.
- Xây dựng văn hóa Doanh nghiệp lấy trọng tâm là Đoàn kết thống nhất trong toàn công ty.
- Đào tạo và tuyển dụng được những nhân sự xuất sắc cho các chức danh trọng yếu.

2. Hoàn thiện công tác tổ chức và nâng cao năng lực điều hành SXKD.

- Thực hành tiết kiệm, giảm tối đa tỷ lệ hư hỏng và sai lỗi, giảm giá thành bằng các biện pháp quản lý và động viên khen thưởng.
- Tăng cường công tác quản lý và thu hồi nợ để giảm chi phí sử dụng vốn.
- Ổn định tổ chức và hoạt động của Phòng Kỹ thuật dự án.
- Hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Phòng Kế hoạch kinh doanh.
- Hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Nhà máy.



- Thành lập và đưa vào hoạt động các Trung tâm Kinh doanh sản phẩm và dịch vụ dựa trên năng lực cốt lõi của Công ty như: sản phẩm cơ khí, vật tư ngành điện và CNTT.
- Cải tiến hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

3. Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.

- Tuyển dụng nhân sự *phù hợp* trong công tác nghiên cứu sản phẩm mới.
- Tăng cường chi phí nghiên cứu và phát triển.

4. Cải tiến sản phẩm hiện tại để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường.

- Cải tiến các sản phẩm tủ Điện lực cho phù hợp với yêu cầu của khách hàng.
- Nâng cao chất lượng và mở rộng sản phẩm phục vụ cho ngành Viễn thông.

5. Duy trì thị phần hiện tại và thâm nhập vào thị trường mới.

- Có kế hoạch phù hợp để chăm sóc khách hàng mục tiêu.
- Thâm nhập sâu vào thị trường Điện lực.
- Mở rộng thị trường phục vụ các công trình dân sinh.

6. Phương án dự phòng trước những thay đổi bất thường của thị trường.

- Sẵn sàng phương án dự phòng các sản phẩm mới cho thị trường mới để có thể khai thác được ngay trên cơ sở năng lực cốt lõi của Công ty.

Trân trọng và kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thiện Cảnh



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU ĐIỆN
VÀ VIỄN THÔNG SÂM CƯỜNG**

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	<i>05 – 08</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	<i>09</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	<i>10 – 11</i>
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính</i>	<i>12 – 26</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

Khái quát

Công ty Cổ Phần Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường là công ty cổ phần được thành lập theo theo giấy đăng ký kinh doanh số cũ 4703000342 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 14 tháng 12 năm 2011 theo mã số doanh nghiệp là 3600850734.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Hà Nội từ ngày 30/07/2010 với mã chứng khoán là SMT.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, lắp ráp các thiết bị, vật liệu điện và viễn thông. Mua bán, xuất nhập khẩu, đại lý ký gửi: thiết bị, nguyên vật liệu điện và viễn thông, hàng kim khí điện máy. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Trang trí nội thất.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Đường số 1, Khu công nghiệp Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

Văn phòng giao dịch đặt tại số 135/1/130 Đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch
Bà Hồ Thị Thu Hương	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thiện Cảnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Kiều	Ủy viên
Ông Bùi Vũ Văn Hòa	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thiện Cảnh	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Vũ Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Cử	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Trường	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thanh Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Thiện Cảnh
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2012

Số :/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính năm 2011
của Công ty Cổ Phần Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ Phần Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường được lập ngày 23/02/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Cao Thị Hồng Nga
Chứng chỉ KTV số: 0613/KTV

Nguyễn Minh Tiến
Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.938.035.088	25.237.890.556
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.510.474.788	5.521.316.769
1. Tiền	111		3.510.474.788	5.521.316.769
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.574.012.232	11.114.055.529
1. Phải thu khách hàng	131		14.414.511.993	10.103.596.555
2. Trả trước cho người bán	132		19.514.030	916.185.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	139.986.209	94.273.974
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	10.287.767.258	8.147.971.183
1. Hàng tồn kho	141		10.715.683.972	8.575.887.897
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(427.916.714)	(427.916.714)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.565.780.810	454.547.075
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		482.447.665	372.998.078
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	1.083.333.145	81.548.997
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.210.312.606	18.762.355.346
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		14.490.167.530	16.512.653.937
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	9.501.059.205	11.245.517.946
- Nguyên giá	222		19.658.761.050	18.702.866.610
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.157.701.845)	(7.457.348.664)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	4.989.108.325	5.156.199.601
- Nguyên giá	228		5.636.455.564	5.636.455.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(647.347.239)	(480.255.963)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	-	110.936.390

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	-	1.820.680.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.820.680.000	1.820.680.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.820.680.000)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		720.145.076	429.021.409
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	686.195.076	395.071.409
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		33.950.000	33.950.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		45.148.347.694	44.000.245.902

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.587.311.994	14.133.476.030
I. Nợ ngắn hạn	310		12.587.311.994	14.133.476.030
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	1.623.418.717	5.520.755.960
2. Phải trả người bán	312		6.732.189.865	3.600.374.692
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	388.350.893	462.359.253
5. Phải trả người lao động	315		1.549.027.803	2.307.123.342
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	1.263.386.579	1.319.967.210
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.030.938.137	922.895.573
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		32.561.035.700	29.866.769.872
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	32.561.035.700	29.866.769.872
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.317.240.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.644.689.627	1.499.127.453
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		836.666.207	624.666.207
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		762.439.866	2.742.976.212
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		45.148.347.694	44.000.245.902

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		26.750,00	14.456,80
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thành Trung

Trần Văn Dương

Nguyễn Thiện Cảnh

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	60.334.188.799	49.483.656.490
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	60.939.600	66.742.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	60.273.249.199	49.416.914.490
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	46.189.771.651	35.193.280.996
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.083.477.548	14.223.633.494
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	101.529.511	43.364.440
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	2.413.835.722	503.666.456
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		502.162.207	335.195.629
8. Chi phí bán hàng	24		6.057.376.688	2.839.255.166
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.881.708.351	6.321.917.052
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		832.086.298	4.602.159.260
11. Thu nhập khác	31		6.576.495	24.441.539
12. Chi phí khác	32		14.144.201	7.378.640
13. Lợi nhuận khác	40		(7.567.706)	17.062.899
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		824.518.592	4.619.222.159
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	62.078.726	376.245.947
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		762.439.866	4.242.976.212
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	263	1.592

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thành Trung

Trần Văn Dương

Nguyễn Thiện Cảnh

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		61.883.422.759	52.036.854.740
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(51.838.945.229)	(38.513.374.712)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.378.582.896)	(6.301.031.424)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(502.162.207)	(335.195.629)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(165.078.012)	(211.167.935)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		38.073.302	677.907.243
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.928.383.974)	(5.609.068.206)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		108.343.743	1.744.924.077
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(833.736.665)	(1.977.625.404)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	142.800.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		90.503.063	43.364.440
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(743.233.602)	(1.791.460.964)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.657.870.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5.012.442.813	7.371.767.720
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(8.909.780.056)	(3.076.050.210)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(136.484.879)	(3.666.402.152)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.375.952.122)	629.315.358

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.010.841.981)	582.778.471
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.521.316.769	4.938.538.298
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3.510.474.788	5.521.316.769

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thành Trung

Trần Văn Dương

Nguyễn Thiện Cảnh

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường là công ty cổ phần được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số cũ 4703000342 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 14 tháng 12 năm 2011 theo mã số doanh nghiệp là 3600850734.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Hà Nội từ ngày 30/07/2010 với mã chứng khoán là SMT.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Đường số 1, Khu công nghiệp Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

Văn phòng giao dịch đặt tại số 135/1/130 Đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, lắp ráp các thiết bị, vật liệu điện và viễn thông. Mua bán, xuất nhập khẩu, đại lý ký gửi: thiết bị, nguyên vật liệu điện và viễn thông, hàng kim khí điện máy. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Trang trí nội thất.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -15 năm
- Máy móc, thiết bị	02 -05 năm
- Phương tiện vận tải	02 -08 năm
- Thiết bị văn phòng	02 -05 năm

Tài sản cố định vô hình: *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (47 năm).

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	112.244.799	57.380.941
Tiền gửi ngân hàng	3.398.229.989	5.463.935.828

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cộng	3.510.474.788	5.521.316.769
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu khác	139.986.209	94.273.974
Cộng	139.986.209	94.273.974
3. Hàng tồn kho	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.962.709.284	1.304.930.162
Công cụ, dụng cụ	128.938.881	19.982.878
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.352.235.281	5.259.954.493
Thành phẩm	2.793.847.898	292.242.036
Hàng hoá	2.011.224.646	1.505.922.895
Hàng gửi bán	466.727.982	192.855.433
Cộng	10.715.683.972	8.575.887.897
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	427.916.714	427.916.714
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	10.287.767.258	8.147.971.183
4. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	650.787
Tạm ứng	1.034.932.647	71.500.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	48.400.498	9.398.210
Cộng	1.083.333.145	81.548.997

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình					
Số dư đầu năm	7.697.303.509	8.338.861.119	2.313.465.591	353.236.391	18.702.866.610
Số tăng trong năm	-	955.894.440	-	-	955.894.440
- Mua sắm mới	-	955.894.440	-	-	955.894.440
- Xây dựng mới	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	7.697.303.509	9.294.755.559	2.313.465.591	353.236.391	19.658.761.050
Giá trị đã hao mòn					
Số dư đầu năm	1.321.263.160	4.893.292.829	1.106.316.181	136.476.494	7.457.348.664
Khấu hao trong năm	616.055.952	1.745.461.105	232.949.232	105.886.892	2.700.353.181
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.937.319.112	6.638.753.934	1.339.265.413	242.363.386	10.157.701.845
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình					
Tại ngày đầu năm	6.376.040.349	3.445.568.290	1.207.149.410	216.759.897	11.245.517.946
Tại ngày cuối năm	5.759.984.397	2.656.001.625	974.200.178	110.873.005	9.501.059.205

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.498.064.420 đồng.



6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	5.461.580.464	89.925.600	84.949.500	5.636.455.564
Số tăng trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	5.461.580.464	89.925.600	84.949.500	5.636.455.564
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	453.331.600	17.485.531	9.438.832	480.255.963
Số tăng trong năm	108.799.584	29.975.196	28.316.496	167.091.276
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	562.131.184	47.460.727	37.755.328	647.347.239
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	5.008.248.864	72.440.069	75.510.668	5.156.199.601
Tại ngày cuối năm	4.899.449.280	42.464.873	47.194.172	4.989.108.325

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Mua sắm tài sản cố định	-	110.936.390
- Đầu tư dây chuyền FTTH	-	110.936.390
Cộng	-	110.936.390

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Đầu tư vào công ty con	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-
Đầu tư dài hạn khác	1.820.680.000	1.820.680.000
- Góp vốn kinh doanh (*)	1.820.680.000	1.820.680.000
- Đầu tư dài hạn khác	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.820.680.000)	-
Cộng	-	1.820.680.000

(*) Đây là khoản góp vốn hợp tác kinh doanh thành lập phân xưởng cáp quang thuộc Công ty TNHH cáp Thăng Long, với tỷ lệ 5% (tương đương 2.240.680.000 đồng, trong đó vốn góp của cán bộ CNV là 420.000.000 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	686.195.076	395.071.409
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	686.195.076	395.071.409

10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.623.418.717	5.520.755.960
- Vay Ngân hàng Ngoại Thương- CN Bến Thành (a)	1.623.418.717	2.420.755.960
- Vay Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sacom	-	3.100.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	1.623.418.717	5.520.755.960

(a) Vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương - CN Bến Thành để bổ sung vốn lưu động theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0671/TD9/10LD ngày 10/09/2010 (thuộc HĐTD số 0020/TD9/09LD ngày 13/01/2009) với thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 1,55% tháng, khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản.

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	311.153.297	258.595.841
Thuế nhập khẩu	6.676.418	12.171.248
Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.078.726	165.078.012
Thuế thu nhập cá nhân	8.442.452	26.514.152
Cộng	388.350.893	462.359.253

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	130.499.405	68.448.640
Bảo hiểm xã hội, y tế	13.833.500	18.459.662
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.119.053.674	1.233.058.908
- Phải trả cổ tức	518.435.320	654.817.999
- Hàng hóa tạm nhập	11.020.314	167.783.840
- Các khoản khác	589.598.040	410.457.069
Cộng	1.263.386.579	1.319.967.210

13. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	25.000.000.000	1.499.127.453	624.666.207	2.500.000.000
Lãi trong năm trước				4.242.976.212
Chia cổ tức năm 2009				(2.500.000.000)
Tạm chia cổ tức năm 2010				(1.500.000.000)
Số dư cuối năm trước	25.000.000.000	1.499.127.453	624.666.207	2.742.976.212
Số dư đầu năm nay	25.000.000.000	1.499.127.453	624.666.207	2.742.976.212
Lãi trong năm nay				762.439.866
Tăng vốn do phát hành cổ phần	2.657.870.000			
Tăng vốn do trả cổ tức bằng cổ phiếu	1.659.370.000			(1.659.370.000)
Trả cổ tức CP lẻ				(102.200)
Trích lập các quỹ		212.000.000	212.000.000	(1.083.504.012)
Giảm khác		(66.437.826)		
Số dư cuối năm nay	29.317.240.000	1.644.689.627	836.666.207	762.439.866

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011	%	01/01/2011	%
	VND		VND	
Vốn góp của nhà nước	-	-	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	29.317.240.000	100%	25.000.000.000	100%
Cộng	29.317.240.000	100%	25.000.000.000	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	25.000.000.000	25.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	4.317.240.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	29.317.240.000	25.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.931.724	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.931.724	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.931.724	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.931.724	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.931.724	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	22.871.233.646	6.677.163.830
Doanh thu bán thành phẩm	37.462.955.153	42.806.492.660
Cộng	60.334.188.799	49.483.656.490

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giảm giá hàng bán	3.875.000	1.942.000
Hàng bán bị trả lại	57.064.600	64.800.000
Cộng	60.939.600	66.742.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa	22.810.294.046	6.677.163.830
Doanh thu thuần bán thành phẩm	37.462.955.153	42.739.750.660
Cộng	60.273.249.199	49.416.914.490

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa	19.673.246.726	5.364.921.955
Giá vốn bán thành phẩm	26.516.524.925	29.847.287.033
Dự phòng và hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(18.927.992)
Cộng	46.189.771.651	35.193.280.996

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	90.503.063	43.364.440
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.026.448	-
Cộng	101.529.511	43.364.440

6. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	502.162.207	335.195.629
Lỗ chênh lệch tỷ giá	90.993.515	168.470.827
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	1.820.680.000	-
Cộng	2.413.835.722	503.666.456

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo qui định trong thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 và thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01/09/2004, công ty được hưởng ưu đãi thuế: Thuế suất 15% trong 12 năm, Miễn thuế TNDN trong 3 năm đầu, Giảm 50% thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo. Năm 2011 là năm thứ 02 đơn vị được hưởng mức thuế suất 15% và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	824.518.592	4.619.222.159
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	357.933.324	397.390.467
- Các khoản điều chỉnh tăng	357.933.324	397.390.467
+ Chi phí không được trừ	357.933.324	397.390.467
+ Các khoản điều chỉnh tăng khác	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.182.451.916	5.016.612.626
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	15%	15%
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	88.683.894	376.245.947
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	88.683.894	376.245.947
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo thông tư 154/2011/TT-BTC	26.605.168	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	62.078.726	376.245.947

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	762.439.866	4.242.976.212
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	762.439.866	4.242.976.212
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.903.325	2.665.937
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	263	1.592

(*) **Ghi chú:** Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố do trong năm trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:6.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.783.033.450	24.319.839.963
Chi phí nhân công	7.256.273.678	7.176.657.137
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.867.444.457	2.546.707.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.127.578.941	2.029.711.171
Chi phí khác bằng tiền	2.973.431.111	2.208.032.077
Cộng	40.007.761.637	38.280.947.566

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.624.491.347	1.747.825.416

Trong năm 2011, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan khác. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty Cp Đầu tư và Phát triển SACOM	Công ty liên kết	Mua hàng	7.875.486.750
		Bán hàng	3.915.605.609
		Lãi vay	323.836.111

Cho đến cuối năm, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giá trị khoản phải thu / (phải trả) (VND)
Công ty Cp Đầu tư và Phát triển SACOM	Công ty liên kết	(868.643.078)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, mua bán thiết bị, vật liệu điện và viễn thông. Do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

2.2. Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.510.474.788	5.521.316.769	3.510.474.788	5.521.316.769
Phải thu khách hàng	14.414.511.993	10.103.596.555	14.414.511.993	10.103.596.555
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	1.820.680.000	-	1.820.680.000
Phải thu khác	139.986.209	94.273.974	139.986.209	94.273.974
Cộng	18.064.972.990	17.539.867.298	18.064.972.990	17.539.867.298
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	6.732.189.865	3.600.374.692	6.732.189.865	3.600.374.692
Vay và nợ	1.623.418.717	5.520.755.960	1.623.418.717	5.520.755.960
Các khoản phải trả khác	1.263.386.579	1.319.967.210	1.263.386.579	1.319.967.210
Cộng	9.618.995.161	10.441.097.862	9.618.995.161	10.441.097.862

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phân lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2011 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn được đánh giá giá trị hợp lý theo các mô hình định giá khác.

- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN). Số liệu này đã được điều chỉnh hồi tố do Công ty trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:6 như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Số liệu năm 2010 trước điều chỉnh	Số liệu năm 2010 sau điều chỉnh	Tăng / (giảm)
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.697	1.592	(105)

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thành Trung

Trần Văn Dương

Nguyễn Thiện Cảnh

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU ĐIỆN VÀ VIỄN THÔNG SAM CƯỜNG

Trụ sở chính: Đường số 1 – KCN Long Thành – Long Thành – Đồng Nai

VPĐD: 135/1/130 Nguyễn Hữu Cảnh – Phường 22 – Bình Thạnh – TP.HCM

Điện thoại: (84 8) 3551 3731~734

Fax: (84 8) 35513 735

Website: www.sametel.com.vn

E-mail: cbtt@sametel.com.vn